

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/DS-ST
Ngày: 21/8/2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự về hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra.

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Châu Thanh Nguyên;
- Ông Mai Văn Tài.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thái Hòa, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **150/2024/TLST-DS** ngày 10 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị L**, sinh năm 1950; địa chỉ: **tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang**; Có mặt.

Bị đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1964; địa chỉ: **tổ A, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang**; Có yêu cầu xin vắng mặt.

NHẬN THẤY:

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Đặng Thị L** trình bày:* Tôi có làm chủ hụi, bà **N** là hụi viên, có tham gia chơi hụi với các dây hụi như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Dây hụi có giá 10.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 29 phần, bà **N** tham gia 4 phần, bắt đầu ngày 26/6/2021 (âm lịch), kết thúc ngày 26/12/2023 (âm lịch). Dây hụi này bà **N** đã hốt tất cả 04 phần hụi, bà **N** còn nợ lại 02 lần x 04 phần x 10.000.000 đồng = 80.000.000 đồng, nhưng bà đã nợ bà **N** 16.000.000 đồng, nên bà **N** còn nợ lại 64.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Dây hụi có giá 5.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, tổng số 31 phần, bà N tham gia 3 phần, bắt đầu ngày 15/10/2022 (âm lịch), kết thúc ngày 15/3/2025 (âm lịch). Dây hụi này bà N đã hốt 01 phần hụi, còn 02 phần sống. Bà N còn nợ lại hụi chết là 16 lần x 5.000.000 đồng = 80.000.000 đồng, bà còn nợ lại bà N hụi sống là 13 lần x 02 phần x 5.000.000 đồng = 130.000.000 đồng, nên bà còn nợ lại bà N 50.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Dây hụi có giá 2.000.000 đồng, nửa tháng khui 01 lần, tổng số 30 phần, bà N tham gia 3 phần, bắt đầu ngày 20/01/2023 (âm lịch), kết thúc ngày 05/3/2024 (âm lịch). Dây hụi này bà N đã hốt 01 phần hụi, còn 02 phần sống. Bà N còn nợ lại hụi chết là 07 lần x 2.000.000 đồng = 14.000.000 đồng, bà còn nợ lại bà N hụi sống là 20 lần x 02 phần x 2.000.000 đồng = 80.000.000 đồng, nên bà còn nợ lại bà N 66.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Dây hụi có giá 2.000.000 đồng, nửa tháng khui 01 lần, tổng số 30 phần, bà N tham gia 3 phần, bắt đầu ngày 25/02/2023 (âm lịch), kết thúc ngày 10/5/2024 (âm lịch). Dây hụi này bà N đã hốt tất cả 03 phần hụi. Bà N còn nợ lại hụi chết là 13 lần x x 03 phần x 2.000.000 đồng = 78.000.000 đồng, nên bà N còn nợ bà số tiền 78.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ năm: Dây hụi có giá 3.000.000 đồng, nửa tháng khui 01 lần, tổng số 30 phần, bà N tham gia 4 phần, bắt đầu ngày 09/7/2023 (âm lịch), kết thúc ngày 24/9/2024 (âm lịch). Dây hụi này bà N đã hốt 02 phần hụi, còn 02 phần sống. Bà N còn nợ lại hụi chết là 20 lần x 02 phần x 3.000.000 đồng = 120.000.000 đồng, bà còn nợ lại bà N hụi sống là 06 lần x 02 phần x 3.000.000 đồng = 36.000.000 đồng, nên bà N còn nợ lại 84.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà N còn nợ bà là 110.000.000 đồng. Những các dây hụi trên hiện đã ngưng do bà bị bệnh, những người hụi sống không đồng ý khui hụi nữa.

Nay bà Đặng Thị L yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị N trả tiền nợ hụi với số tiền là 110.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: danh sách hụi viên (bản photo), biên nhận tiền hụi (bản photo).

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Thị N cho rằng: Bà có tham gia hụi do bà L làm chủ hụi theo các dây hụi như bà L trình bày, thống nhất có nhận và còn nợ hụi của bà L 110.000.000 đồng, nhưng do hụi chưa kết thúc nên bà không đồng ý trả, đến khi nào hụi kết thúc thì bà sẽ trả dần số tiền nợ hụi 110.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa,

- Bà L rút lại yêu cầu đòi các kỳ hụi chưa đến hạn của hai dây hụi chưa mãn (dây hụi 3.000.000 đồng và dây hụi 5.000.000 đồng) với số tiền 47.000.000 đồng; chỉ yêu cầu bà N có trách nhiệm trả nợ hụi 63.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà **Trần Thị N** có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.
- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng vẫn còn có một số vi phạm như tổng đạt thông báo thụ lý trễ 02 ngày, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đúng 15 ngày, tuy nhiên những vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Từ ngày 26/6/2021 (âm lịch) đến tháng 11/2023 (âm lịch), bà **N** thừa nhận có tham gia 05 dây hụi do bà **L** làm chủ. Bà **N** đã hốt hụi và không tiếp tục đóng phần hụi chết và còn nợ lại bà **L** 110.000.000 đồng, nhưng do hụi chưa kết thúc nên bà không đồng ý trả, đến khi nào hụi kết thúc thì bà sẽ trả dần số tiền nợ hụi. Hợp đồng hụi giữa bà **L** với bà **N** được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được thể hiện qua các giấy hụi, biên nhận tiền hụi và bà **N** thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà **L**. Cho nên, bà **L** khởi kiện yêu cầu bà **N** trả số nợ hụi là phù hợp với quy định tại các Điều 351, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo đơn khởi kiện, bà **L** yêu cầu bà **N** trả số tiền nợ hụi 110.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà **L** rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các kỳ hụi chưa đến hạn của hai dây hụi chưa mãn (dây hụi 3.000.000 đồng và dây hụi 5.000.000 đồng) với với số tiền 47.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà **N** trả số nợ hụi 63.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đã bị rút.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/20219 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; các Điều 351, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **L**; buộc bà **N** có trách nhiệm trả cho bà **L** số tiền 63.000.000 đồng; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện bị rút đối với số tiền 47.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà **Đặng Thị L** khởi kiện yêu cầu bà **Trần Thị N** trả nợ hụi. Bà **N** đang cư trú trên địa bàn **huyện T** nên yêu cầu khởi kiện của bà **L** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

[2] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Nguyên đơn bà **Đặng Thị L** cho rằng, bà **N** có tham gia 05 dây hụi do bà làm chủ gồm: dây hụi 10.000.000 đồng, bắt đầu ngày 26/6/2021 (âm lịch), kết thúc ngày 26/12/2023 (âm lịch) bà **N** tham gia 04 phần; dây hụi 5.000.000đồng/tháng, bắt đầu ngày 15/10/2022 (âm lịch), kết thúc ngày 15/3/2025 (âm lịch), bà **N** tham gia 03 phần; dây hụi 2.000.000đồng/tháng, bắt đầu ngày 20/01/2023 (âm lịch), kết thúc ngày 05/3/2024 (âm lịch), bà **N** tham gia 03 phần; dây hụi 2.000.000đồng, bắt đầu ngày 25/02/2023 (âm lịch), kết thúc ngày 10/5/2024 (âm lịch), bà **N** tham gia 03 phần; dây hụi 3.000.000đồng, bắt đầu ngày 09/7/2023 (âm lịch), kết thúc ngày 24/9/2024 (âm lịch), bà **N** tham gia 04 phần.

Đến thời điểm ngưng hụi, đối với 03 dây đã mãn (01 dây hụi 10.000.000 đồng và 02 dây hụi 2.000.000 đồng), bà **N** nợ bà **L** là 64.000.000 đồng + 78.000.000 đồng - 66.000.000 đồng (phần hụi chưa hốt) = 76.000.000 đồng; đối với hai dây chưa mãn (dây hụi 3.000.000 đồng và dây hụi 5.000.000 đồng), tính đến thời điểm xét xử; đối với dây hụi 5.000.000 đồng, bà **N** còn 09 lần chưa đóng là 09 lần x 5.000.000 đồng = 45.000.000 đồng, nhưng bà **L** còn nợ bà **N** phần hụi chưa hốt là hụi sống là 13 lần x 02 phần x 5.000.000 đồng = 130.000.000 đồng; đối với dây hụi 3.000.000 đồng, bà **N** còn 18 lần chưa đóng là 18 lần x 02 phần x 3.000.000 đồng = 108.000.000 đồng, nhưng bà **L** còn nợ bà **N** phần hụi chưa hốt là hụi sống là 06 lần x 02 phần x 3.000.000 đồng = 36.000.000 đồng.

Quá trình chuẩn bị xét xử, bà **N** thừa nhận có tham gia 05 dây hụi và thừa nhận còn nợ bà **L** số tiền hụi 110.000.000 đồng. Tuy nhiên, do hụi chưa kết thúc nên bà không đồng ý trả, đến khi nào hụi kết thúc thì bà sẽ trả dần số tiền nợ hụi.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, bà **L** yêu cầu bà **N** trả số tiền nợ hụi 110.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà **L** rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các kỳ hụi chưa đến hạn của hai dây hụi chưa mãn (dây hụi 3.000.000 đồng và dây hụi 5.000.000 đồng) với số tiền 47.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà **N** trả số nợ hụi 63.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Cho nên, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà bà **L** đã rút theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **L**, buộc bà **N** có trách nhiệm trả cho bà **L** nợ hụi với số tiền 63.000.000 đồng theo quy định tại các Điều 351, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do bà **L** không yêu cầu trả lãi chậm thanh toán nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Trần Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.150.000 đồng.

Bà **Đặng Thị L** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do bà **Đặng Thị L** là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 351, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 147, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Đặng Thị L** về việc yêu cầu bà **Trần Thị N** trả số nợ hụi 47.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Đặng Thị L**.

Buộc bà **Trần Thị N** có trách nhiệm trả cho bà **Đặng Thị L** số nợ hụi 63.000.000 (Sáu mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Trần Thị N** phải chịu 3.150.000 (Ba triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Đặng Thị L** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do bà **Đặng Thị L** là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà **Đặng Thị L** có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của **Trần Thị N** vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Tri Tôn (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS H. Tri Tôn (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Oanh Đa Ra